

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2021/DS-ST
Ngày: 01 – 12 – 2021
V/v tranh chấp về hợp đồng dân
sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh.
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2021 và Thông báo về thời gian địa điểm mở lại phiên tòa, số: 262/TB-TA ngày 10 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1982.

Địa chỉ cư trú: Số ***, ấp **, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT.

- Bị đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm 1969.

Địa chỉ cư trú: Ấp **, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT.

Chị Nguyễn Thị S có mặt tại phiên tòa; bà Trần Thị P vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày:

Vào ngày 22/4/2017, bà Trần Thị P vay của chị Nguyễn Thị S số tiền 50.000.000 đồng. Sau đó, khoảng tháng 6/2018, bà P tiếp tục vay của chị S số

tiền là 30.000.000 đồng (không nhớ rõ ngày vay) nên tổng số tiền bà P vay của chị S là 80.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, không xác định thời hạn trả, 02 bên thỏa thuận khi nào cần tiền thì chị S cho bà P biết trước 01 tháng.

Bà P đã trả tiền lãi cho chị S từ tháng 4/2017 đến tháng 4/2019 nhưng không xác định được số tiền lãi đã nhận từ bà P là bao nhiêu. Bà P không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với phần tiền lãi đã nhận của bà P.

Nay, chị Nguyễn Thị S yêu cầu giải quyết cụ thể:

- Chị S yêu cầu bà Trần Thị P trả cho chị S số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

- Chị S xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Trần Thị P trả cho chị S số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Trường hợp, phát sinh tranh chấp thì chị S sẽ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết thành vụ án khác.

- Bị đơn bà Trần Thị P không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

*** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị S đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định. Riêng bị đơn bà Trần Thị P không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S.

- Buộc bà Trần Thị P trả cho chị S số tiền vay là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc bà P trả số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Văn bản ghi nhận bà P vay số tiền 80.000.000 đồng (Bản chính, viết mực xanh trên giấy tập học sinh, 02 màu mực, không ghi ngày tháng năm, Nguyễn Thị S ký tên và chữ viết tên P, có dấu hiệu chỉnh sửa chữ số từ “50.000.000 đồng” thành “80.000.000 đồng” và chữ viết từ “Năm mươi triệu đồng” thành “Tám mươi triệu đồng”).

- Kết luận giám định, số: 886/KL-KTHS ngày 27/10/2021 (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Trần Thị P cư trú tại ấp **, xã BT, huyện TB, tỉnh DT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Trần Thị P được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng vay tài sản giữa chị Nguyễn Thị S và bà Trần Thị P theo Văn bản ghi nhận bà P vay tiền được bằng viết mực xanh trên giấy tập học sinh, 02 màu mực, không ghi ngày tháng năm.

Xét thấy, sau khi thống nhất, chị Nguyễn Thị S và bà Trần Thị P xác lập hợp đồng vay tài sản. Tại thời điểm xác lập Hợp đồng, chị S và bà P có khả năng bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định của pháp luật. Do đó, khi xác lập Hợp đồng thì chị S và bà P đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc giao kết hợp đồng được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội nên Hợp đồng vay tài sản giữa chị S và bà P có hiệu lực pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 117, Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015.

[2.2] Xét yêu cầu chị Nguyễn Thị S về việc yêu cầu bà Trần Thị P trả cho chị S số tiền gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Xét thấy, sau khi xác lập Hợp đồng vay tài sản và tại Văn bản ghi nhận bà P vay tiền được viết bằng mực xanh trên giấy tập học sinh, 02 màu mực, không ghi ngày tháng năm thể hiện bà P đã nhận số tiền 50.000.000 đồng. Mặt khác, theo kết luận giám định số: 886/KL-KTHS ngày 27/10/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp thể hiện chữ ký trong Văn bản nêu trên và các tài liệu khác do bà P ký tên là cùng một người ký.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị S xác định, từ khi vay đến nay bà P chưa trả bất kỳ khoản tiền vốn nào cho chị S. Chị S đã xác định nhiều lần yêu cầu bà P trả nhưng bà P không trả và bỏ địa phương đi không rõ nơi đến. Như vậy, có cơ sở xác định, bà P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay của chị S. Do đó, chị S yêu cầu bà P trả số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) là phù hợp theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân

sự 2015.

Chị S xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), việc rút một phần yêu cầu khởi kiện chị S là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trường hợp, chị S có yêu cầu thì chị S có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng cho bà P nhưng bà P không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án. Do đó, bà P phải tự chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình và phải chịu trách nhiệm đối với khoản vay theo yêu cầu của chị S.

Từ những phân tích đã nêu trên, chị Nguyễn Thị S yêu cầu bà Trần Thị P trả cho chị S số tiền vốn là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình về quan điểm giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị S và Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị S đối với số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S nên bà P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về chi tố tụng: Bà P phải chịu chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 117, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S.

Buộc bà Trần Thị P trả cho chị S số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà P trả số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Về án phí: Buộc bà Trần Thị P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là

2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Trả cho chị Nguyễn Thị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số: 0006797 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định chữ ký là 15.300.000 đồng (Mười lăm triệu ba trăm nghìn đồng) do chị S nộp tạm ứng và chi xong. Như vậy, bà P phải có trách nhiệm trả lại cho chị S số tiền là 15.300.000 đồng (Mười lăm triệu ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Văn Hồng Biên